

UBND TỈNH NGHỆ AN
VĂN PHÒNG

Số: 859 /VPUB-KSTT
V/v thực hiện tiêu chí Hành chính
công trong xây dựng xã NTM
nâng cao giai đoạn 2021-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 29 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Ngày 09/8/2022, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 5045/VPCP-KSTT về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Văn phòng UBND tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các phòng, ban liên quan, UBND các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện các nội dung theo hướng dẫn tại văn bản nêu trên để đảm bảo tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị liên hệ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - điện thoại 02383. 668.789) để được hỗ trợ.

(Gửi kèm Công văn số 5045/VPCP-KSTT của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP VPUBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh (Đ/c Thiện);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối CTNTM tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT (B).

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đào Quang Thiện

Số: 5045/VPCP-KSTT
V/v hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí
quốc gia về xã nông thôn mới nâng
cao giai đoạn 2021 - 2025

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 15.3 phụ lục II Quyết định này, cụ thể như sau:

1. Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

2. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số

76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

4. Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những người làm việc, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo.

5. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên.

6. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

Trên đây là hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ về thực hiện tiêu chí số 15.3 phụ lục II Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Công văn này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới ban hành. Đề nghị đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ, chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NNPTNT (để phối hợp);
- VPCP: BTCN,
các Vụ: PL, NN;
- Lưu: VT, KSTT (3).

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Trần Văn Sơn